

Bản tin ATC

Tháng 09 năm 2019

< Cập nhật nhanh những quy định mới nhất liên quan đến doanh nghiệp >



Trong số này:

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Xác định giá trị tài sản khi hộ kinh doanh chuyển thành doanh nghiệp	1
Chính sách thuế đối với cá nhân kinh doanh có hoạt động xây dựng ở nước ngoài	1
Thuế nhà thầu với văn phòng đại diện	1
Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân	2
Chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy	2
Xác định phương pháp tính thuế GTGT	2
Góp vốn bằng tài sản để thành lập doanh nghiệp	3
Thời điểm lập hóa đơn điện tử	3
Thuế GTGT khi thay đổi mục đích của máy móc thiết bị nhập khẩu	3
Chính sách thuế đối với hàng tạm xuất tái nhập để sửa chữa	4
Không tính tiền chậm nộp thuế	4
Kê khai và nộp thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản	5
Thời hạn kê khai thuế TNCN khi xử lý tài sản thế chấp	5
Thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	5
Sử dụng hóa đơn và kê khai nộp thuế khi bán tài sản kê biên	6
Điều chỉnh hóa đơn điện tử có sai sót	6
Hướng dẫn chuyển tiền BHXH vào tài khoản người khác	6
Bàn giao máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng nhập khẩu	7

VĂN BẢN CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 10/2019

PHÁP LÝ CHO CÁC CÔNG TY KHỞI NGHIỆP

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Xác định giá trị tài sản khi hộ kinh doanh chuyển thành doanh nghiệp



Đối với tài sản cố định, công cụ lao động, hàng hóa tồn kho của hộ kinh doanh khi chuyển đổi lên doanh nghiệp để được hạch toán và tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thì thực hiện như sau:

Đối với tài sản cố định, công cụ lao động, hàng hóa tồn kho của hộ kinh doanh cá thể có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định: tiếp tục đăng ký trở thành vốn đầu tư ban đầu của doanh nghiệp mới vừa thành lập theo quy định của pháp luật thuế và hướng dẫn của chế độ kế toán hiện hành.

Đối với tài sản cố định, công cụ lao động, hàng hóa tồn kho của hộ kinh doanh cá thể không có hoặc không đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định: Hộ kinh doanh thực hiện đánh giá lại tài sản theo quy định. Doanh nghiệp mới thành lập từ hộ kinh doanh căn cứ kết quả thẩm định của cơ quan thẩm định giá để làm cơ sở ghi sổ kế toán và được tính vào chi phí được trừ (khấu hao tài sản cố định, phân bổ công cụ lao động theo quy định) khi xác định thu nhập chịu thuế.

Công văn số 3612/TCT-DNNCN ngày 12/09/2019 của Tổng cục Thuế

Chính sách thuế đối với cá nhân kinh doanh có hoạt động xây dựng ở nước ngoài

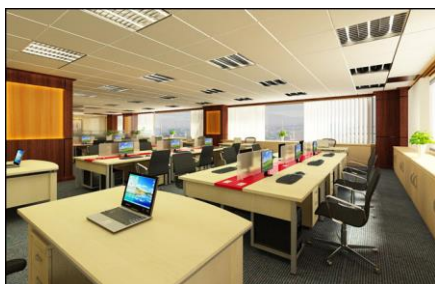
Trường hợp hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề xây dựng theo quy định, có đăng ký thuế và được cơ quan thuế quản lý thu thuế ổn định, ký hợp đồng với doanh nghiệp tại Việt Nam để thực hiện các hoạt động đào đất các loại, đào xúc vận chuyển đất, đá để đắp; xúc vận chuyển cát, đá dăm, san ủi mặt bằng, ... ở nước ngoài, đáp ứng điều kiện đối với dịch vụ xuất khẩu theo quy định thì hoạt động này được xác định là hoạt động xây dựng ở nước ngoài và không áp dụng tỷ lệ % thuế GTGT trên doanh thu.



Trường hợp hộ kinh doanh không sử dụng hóa đơn quyền, nếu có đề nghị được cấp hóa đơn lẻ thì cơ quan thuế bán cho hộ kinh doanh hóa đơn lẻ (01 số) theo từng lần phát sinh và không thu tiền. Cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra, rà soát hồ sơ cấp/bán hóa đơn lẻ theo quy định.

Công văn số 3611/TCT-DNNCN ngày 12/09/2019 của Tổng cục Thuế

Thuế nhà thầu với văn phòng đại diện



Trường hợp Văn phòng đại diện (VPĐD) là nhà thầu nước ngoài, được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế, đăng ký nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp. VPĐD ký hợp đồng thiết kế, lắp đặt, và thử nghiệm hệ thống máy móc thiết bị cho nhà đầu tư, theo hợp đồng chủ đầu tư thực hiện tạm ứng 10% giá trị hợp đồng, trước khi VPĐD thành lập, nếu chủ đầu tư đã kê khai, nộp thay thuế nhà thầu theo tỉ lệ (%) cho số tiền tạm ứng này thì nhà thầu không được bù trừ số thuế GTGT chủ đầu tư đã nộp thay khi khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đối với doanh

thu phát sinh của nhà thầu kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế đồng thời không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào phát sinh trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế.

Công văn số 3577/TCT-CS ngày 10/09/2019 của Tổng cục Thuế

Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

- Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng chứng từ khấu trừ tự in thì phải nộp hồ sơ cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Trường hợp doanh nghiệp có đủ các điều kiện nêu tại Điều 1, Phần A Thông tư số 37/2010/TT-BTC ngày 18/3/2010 của Bộ Tài chính thì được tự in chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân. Cơ quan thuế quản lý có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và đối chiếu với tình hình thực hiện chính sách thuế thu nhập cá nhân của doanh nghiệp, ra thông báo chấp thuận việc đăng ký chứng từ khấu trừ; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo nêu rõ lý do không chấp thuận để doanh nghiệp được biết.



- Trường hợp doanh nghiệp trả các khoản thu nhập và đã khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân thì doanh nghiệp cung cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho nhân viên có nhu cầu tự quyết toán thuế thu nhập cá nhân. Giám đốc doanh nghiệp có thể ủy quyền bằng văn bản cho cấp dưới ký thừa ủy quyền chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân. Văn bản ủy quyền phải quy định cụ thể thời hạn, phạm vi ủy quyền và phải gửi cơ quan thuế cùng văn bản, hồ sơ giao dịch lần đầu trong khoảng thời gian ủy quyền.

Công văn số 3614/TCT-DNNCN ngày 12/09/2019 của Tổng cục Thuế

Chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy



Trường hợp chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa hữu hình trong quá trình lưu thông và chỉ được chuyển đổi một (01) lần thì hóa đơn điện tử chuyển đổi sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa phải đáp ứng các quy định nêu tại Khoản 2, 3, 4 Điều 12 Thông tư số 32/2011/TT-BTC và phải có chữ ký người đại diện theo pháp luật của người bán, dấu của người bán.

Trường hợp chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán thì hóa đơn điện tử chuyển đổi sang hóa đơn giấy phục vụ lưu trữ phải đáp ứng các quy định nêu tại Khoản 2, 3, 4 Điều 12 Thông tư số 32/2011/TT-BTC.

Công văn số 3694/TCT-CS ngày 17/09/2019 của Tổng cục Thuế

Xác định phương pháp tính thuế GTGT

Đến thời hạn xác định phương pháp tính thuế (*hết thời gian áp dụng ổn định phương pháp tính thuế là hai năm liên tục*) nếu cơ sở kinh doanh đang hoạt động có doanh thu hàng năm từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ một tỷ đồng trở lên và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ (*trừ hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp quy định tại Điều 8 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày*



18/12/2013 của Chính phủ) thì đủ điều kiện áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ.

Công văn số 3674/TCT-CS ngày 16/09/2019 của Tổng cục Thuế

Góp vốn bằng tài sản để thành lập doanh nghiệp



Trường hợp Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản cố định để thành lập công ty con thì Công ty không phải xuất hóa đơn, kê khai, nộp thuế GTGT khi góp vốn bằng tài sản để thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 7 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Công văn số 72271/CT-TTHT ngày 16/09/2019 của Cục thuế TP.Hà Nội

Thời điểm lập hóa đơn điện tử

Trường hợp ngày lập hóa đơn điện tử thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC và phải có đầy đủ các nội dung của hóa đơn điện tử theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 32/2011/TT-BTC là hóa đơn điện tử hợp pháp. Cơ sở kinh doanh được sử dụng hóa đơn điện tử để kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào nếu đáp ứng điều kiện khấu trừ theo quy định.

Trường hợp cơ sở kinh doanh lập hóa đơn không đúng thời điểm hoặc có hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp hoặc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BTC ngày 17/01/2014 của Bộ Tài chính.



Công văn số 3557/TCT-CS ngày 09/09/2019 của Tổng cục Thuế

Thuế GTGT khi thay đổi mục đích của máy móc thiết bị nhập khẩu



Khi công ty nhập khẩu máy móc thiết bị được miễn thuế nhập khẩu thì giá tính thuế GTGT là giá nhập khẩu. Khi thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu thì công ty phải kê khai, nộp đủ tiền thuế nhập khẩu (được xác định tại thời điểm thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa), tiền phạt (nếu có) và tính số tiền thuế GTGT phải nộp bổ sung trên cơ sở số tiền thuế nhập khẩu phải nộp.

Như vậy, số thuế GTGT phải nộp bổ sung khi đăng ký tờ khai hải quan mới là số thuế GTGT phát sinh thêm (do phát sinh tiền thuế nhập khẩu trong công thức giá tính thuế GTGT) so với thời điểm ban đầu hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế nhập khẩu (công thức giá tính thuế GTGT không có thuế nhập khẩu).

Trường hợp nếu tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa máy móc, thiết bị, thuế suất thuế nhập khẩu của hàng hóa là 0% thì thuế GTGT phải nộp bổ sung là 0 đồng.

Công văn số 5584/TCHQ-TXNK ngày 30/08/2019 của Tổng cục Hải quan

1. Trường hợp doanh nghiệp tạm xuất hàng hóa ra nước ngoài để sửa chữa và có phát sinh chi phí sửa chữa phải trả cho đối tác nước ngoài, sau đó tái nhập hàng hóa về Việt Nam:

a) Trường hợp hàng hóa tạm xuất để sửa chữa theo điều kiện bảo hành của hợp đồng mua bán, khi tái nhập, nếu kết quả kiểm tra của cơ quan hải quan xác định hàng hóa tái nhập của doanh nghiệp đúng là hàng hóa đã tạm xuất và việc sửa chữa đảm bảo không làm thay đổi hình dáng, công dụng, đặc tính cơ bản của hàng hóa tạm xuất, không tạo ra hàng hóa khác thì được miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng.



b) Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa để phục vụ sản xuất, sau một thời gian sử dụng bị hư hỏng phải tạm xuất khẩu ra nước ngoài để sửa chữa không theo điều kiện bảo hành của hợp đồng hoặc đã quá thời hạn bảo hành của hợp đồng, sau đó tái nhập khẩu về Việt Nam và có phát sinh khoản phí sửa chữa phải trả cho đối tác nước ngoài thì:

Trong thời gian tạm xuất, nếu hàng hóa được sửa chữa, thay thế vật tư, linh kiện, phụ tùng, khi tái nhập phải kê khai, nộp đủ các loại thuế đối với vật tư, linh kiện, phụ tùng thay thế, không kê khai tính thuế GTGT đối với tiền công, phí gia công sửa chữa ở nước ngoài (hàng hóa tách riêng được chi phí nhân công sửa chữa với chi phí thay thế vật tư, linh kiện, phụ tùng thì trị giá hải quan là chi phí thay thế vật tư, linh kiện, phụ tùng, không bao gồm chi phí sửa chữa hoặc nhân công).

Trường hợp chứng từ liên quan đến việc sửa chữa không tách riêng được chi phí nhân công, sửa chữa với chi phí thay thế vật tư, linh kiện, phụ tùng thì trị giá hải quan là giá thực thanh toán mà người mua phải trả người bán theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính.

Trường hợp cơ quan hải quan xác định hàng hóa tái nhập của doanh nghiệp không phải là hàng hóa đã tạm xuất trước đây thì doanh nghiệp bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trường hợp doanh nghiệp đưa hàng hóa ra nước ngoài để kiểm tra chất lượng

a) Về thuế nhập khẩu:

Trường hợp hàng hóa của công ty là hàng hóa tạm xuất đưa ra nước ngoài để giám định sau đó tái nhập, nếu kết quả kiểm tra của cơ quan hải quan xác định hàng hóa tái nhập đúng là hàng hóa tạm xuất trước đây thì được miễn thuế nhập khẩu.

b) Về thuế GTGT:

Căn cứ khoản 20 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính thì hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Công văn số 5485/TCHQ-TXNK ngày 28/08/2019 của Tổng cục Hải quan

Không tính tiền chậm nộp thuế



Trường hợp Công ty còn nợ tiền thuế GTGT do cung ứng dịch vụ được thanh toán bằng nguồn vốn NSNN nhưng chưa được thanh toán thì Cơ quan thuế căn cứ hồ sơ cụ thể của Công ty để xem xét giải quyết không tính tiền chậm nộp và xác định thời gian không tính tiền chậm nộp đối với Công ty theo quy định.

Công văn số 3381/TCT-QLN ngày 26/08/2019 của Tổng cục Thuế

Kê khai và nộp thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản



Trường hợp Công ty (trụ sở chính tại tỉnh A) phát sinh hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại tỉnh B thì Công ty phải khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại cơ quan thuế trên địa bàn tỉnh B và thực hiện quyết toán tại trụ sở chính theo quy định.

Đối với số thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại tỉnh B mà Công ty đã nộp tại trụ sở chính được xử lý theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 156/2013/TT-

BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

Công văn số 3359/TCT-KK ngày 23/08/2019 của Tổng cục Thuế

Thời hạn kê khai thuế TNCN khi xử lý tài sản thế chấp

- Trường hợp các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi phát mại, bán đấu giá bất động sản để xử lý nợ thì phải kê khai thuế TNCN thay cho cá nhân có bất động sản xử lý trả nợ; Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế thực hiện theo từng trường hợp hướng dẫn tại điểm d khoản 3 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính).



- Trường hợp cá nhân chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác theo quyết định thi hành án của Tòa án thì cá nhân chuyển nhượng phải khai thuế, nộp thuế hoặc tổ chức, cá nhân tổ chức bán đấu giá phải khai thuế, nộp thuế TNCN thay cho bên chuyển nhượng; Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế thực hiện theo từng trường hợp hướng dẫn tại điểm d khoản 3 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính).

Nếu các tổ chức nêu trên nộp chậm hồ sơ khai thuế thì sẽ bị xử phạt vi phạm đối với hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật.

Công văn số 3360/TCT-PC ngày 23/08/2019 của Tổng cục Thuế

Thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu



Trường hợp khách hàng nước ngoài thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu cho doanh nghiệp Việt Nam qua ngân hàng bằng hình thức thư tín dụng (L/C), nhưng thực tế chứng từ thanh toán qua ngân hàng của ngân hàng phục vụ doanh nghiệp Việt Nam thể hiện tài khoản ngân hàng phía nước ngoài chuyển tiền thanh toán không phải là tài khoản ngân hàng của khách hàng nước ngoài hoặc tài khoản ngân hàng của bên thứ ba là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài thực hiện thanh toán theo ủy quyền của khách hàng nước ngoài thể hiện trên hợp đồng xuất khẩu (phụ lục hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh hợp đồng - nếu có) có liên

quan theo hướng dẫn tại Điểm b.3 Khoản 3 Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC thì chứng từ thanh toán qua ngân hàng này không đủ điều kiện để được xét khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.

Công văn số 3352/TCT-KK ngày 22/08/2019 của Tổng cục Thuế

Sử dụng hóa đơn và kê khai nộp thuế khi bán tài sản kê biên

Trường hợp bán tài sản tịch thu theo Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền và tài sản được xác định thuộc tài sản công thì sử dụng Hóa đơn bán tài sản công do Bộ Tài chính in theo Mẫu số 08/TSC-HĐ ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Trường hợp bán tài sản bị kê biên theo Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền và tài sản được xác định vẫn thuộc doanh nghiệp (là đối tượng bị cưỡng chế) thì sử dụng hóa đơn lẻ theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 39/2014/TT-BTC. Đối với tổ chức, cơ quan nhà nước không thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có bán đấu giá tài sản, trường hợp giá trúng đấu giá là giá bán đã có thuế giá trị gia tăng được công bố rõ trong hồ sơ bán đấu giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì được cấp hóa đơn giá trị gia tăng.



Công văn số 3330/TCT-CS ngày 21/08/2019 của Tổng cục Thuế

Điều chỉnh hóa đơn điện tử có sai sót



Trường hợp thời điểm lập hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC thì:

- Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập có sai sót nhưng chưa gửi cho người mua thì người bán thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã lập có sai sót và lập hóa đơn điện tử mới gửi cho người mua. Hóa đơn điện tử đã hủy phải được lưu trữ phục vụ việc tra cứu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập và gửi cho người mua có sai sót thì thực hiện xử lý đối với hóa đơn điện tử đã lập theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 32/2011/TT-BTC. Trường hợp người mua không có chữ ký điện tử thì người bán và người mua lập văn bản thỏa thuận bằng giấy ghi rõ sai sót có chữ ký của người bán và người mua.

Công văn số 3441/TCT-CS ngày 29/08/2019 của Tổng cục Thuế

Hướng dẫn chuyển tiền BHXH vào tài khoản người khác



Để thống nhất thực hiện việc người hưởng yêu cầu chuyển tiền lương hưu, trợ cấp BHXH của mình vào tài khoản cá nhân của người khác, BHXH Việt Nam hướng dẫn BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (BHXH tỉnh) như sau:

1. Khi người hưởng có yêu cầu chuyển tiền lương hưu, trợ cấp BHXH của mình vào tài khoản người khác, BHXH tỉnh hướng dẫn người hưởng lập Giấy ủy quyền (mẫu số 13-HSB) hoặc Hợp đồng ủy quyền. Tại nội dung ủy

quyền ghi rõ các thông tin của người được ủy quyền (tên chủ tài khoản, số tài khoản cá nhân, ngân hàng nơi mở tài khoản) gửi Đại diện chi trả hoặc cơ quan BHXH.

2. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người hưởng không phải kê khai, thực hiện lại các thủ tục hành chính, BHXH các tỉnh tiếp tục thực hiện chi trả đối với các trường hợp đã yêu cầu chuyển tiền lương hưu, trợ cấp BHXH của mình vào tài khoản người khác phát sinh trước ngày 01/5/2019.

3. Định kỳ hàng năm, chủ trì, phối hợp cùng cơ quan Bưu điện tổ chức kiểm tra người hưởng tại nơi cư trú. Yêu cầu cơ quan bưu điện báo cáo cơ quan BHXH tình hình quản lý người hưởng (người hưởng hiện có ở nơi cư trú, không ở nơi cư trú, người hưởng không xác định được thông tin) 01 lần/năm.

Công văn số 1817/BHXH-TCKT ngày 27/05/2019 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Bàn giao máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng nhập khẩu

Tiếp theo công văn số 5339/TCHQ-GSQL ngày 21/8/2019 chỉ đạo kiểm soát máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng nhập khẩu theo Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; để thống nhất việc phối hợp trong công tác nghiệp vụ giữa Chi Cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai và Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa, Tổng cục Hải quan hướng dẫn bổ sung như sau:



1. Đối với tờ khai hải quan được hệ thống phân luồng vàng:

a) Khi kiểm tra hồ sơ hải quan, căn cứ văn bản đề nghị đưa hàng về bảo quản của người khai hải quan theo mẫu số 09/BQHH/GSQL Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC (trong đó có ghi tên tổ chức giám định được Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định, thừa nhận thực hiện việc giám định lô hàng), công chức hải quan kiểm tra hồ sơ xác nhận cho phép đưa hàng về bảo quản, đồng thời cập nhật thông tin về tổ chức giám định và đề nghị Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa niêm phong hải quan trên hệ thống E-Customs để bàn giao cho tổ chức giám định.

b) Căn cứ thông tin trên hệ thống, công chức hải quan tại Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa niêm phong toàn bộ lô hàng, lập Biên bản bàn giao (theo mẫu ban hành kèm công văn này), giao cho người khai hải quan chuyển đến tổ chức giám định.

c) Kết quả giám định có xác nhận của tổ chức giám định về việc tiếp nhận lô hàng còn nguyên niêm phong hải quan là cơ sở để cơ quan hải quan thông quan, không yêu cầu tổ chức giám định phải xác nhận hồi báo việc tiếp nhận lô hàng.

2. Đối với tờ khai hải quan được hệ thống phân luồng đỏ:

a) Trường hợp việc kiểm tra thực tế hàng hóa được thực hiện đồng thời với việc giám định, công chức hải quan cùng giám định viên lập Biên bản chứng nhận việc kiểm tra thực tế, không phải niêm phong hải quan và lập Biên bản bàn giao lại cho tổ chức giám định.

b) Trường hợp việc kiểm tra thực tế hàng hóa không được thực hiện đồng thời với việc giám định, sau khi hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hóa, công chức hải quan niêm phong hoặc chụp ảnh toàn bộ lô hàng (nếu không thể niêm phong) và bàn giao cho người khai hải quan để giao lại cho tổ chức giám định.

c) Việc xử lý kết quả giám định thực hiện theo điểm c mục 1 nêu trên.

Công văn số 5787/TCHQ-GSQL ngày 10/09/2019 của Tổng cục Hải quan

VĂN BẢN CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 10/2019

Kế toán - Kiểm toán

1. Thông tư 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

Ngày hiệu lực: 10/10/2019

Doanh nghiệp

2. Thông tư 50/2019/TT-BTC hướng dẫn bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

Ngày hiệu lực: 01/10/2019

3. Thông tư 54/2019/TT-BTC về hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

Ngày hiệu lực: 10/10/2019

4. Thông tư 55/2019/TT-BTC hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

Ngày hiệu lực: 10/10/2019

Tiền tệ - Ngân hàng

5. Thông tư 57/2019/TT-BTC hướng dẫn cơ chế xử lý rủi ro của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

Ngày hiệu lực: 15/10/2019

Xuất nhập khẩu

6. Thông tư 60/2019/TT-BTC sửa đổi Thông tư 39/2015/TT-BTC quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

Ngày hiệu lực: 15/10/2019

7. Thông tư 62/2019/TT-BTC sửa đổi Thông tư 38/2018/TT-BTC quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

Ngày hiệu lực: 21/10/2019

PHÁP LÝ CHO CÁC CÔNG TY KHỞI NGHIỆP

Những lưu ý khi người lao động tự ý nghỉ việc

Trong mỗi quan hệ lao động, không thể tránh khỏi tình huống người lao động có hành vi tự ý nghỉ việc. Khi đó, doanh nghiệp và bản thân mỗi người lao động cần lưu ý những vấn đề sau đây:



Trong phạm vi nội dung này, “Tự ý nghỉ việc” là việc người lao động có hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 37 của Bộ luật Lao động 2012.

Trong thực tế, hành vi tự ý nghỉ việc (hay còn được gọi là “nghỉ ngang”) thường thể hiện dưới dạng thức người lao động nghỉ việc nhưng không thông báo hoặc có thông báo cho doanh nghiệp nhưng không đáp ứng đủ số ngày báo trước tối thiểu theo Luật định.

1. Người lao động nghỉ ngang thì không được hưởng Trợ cấp thôi việc, Trợ cấp thất nghiệp

Căn cứ theo quy định tại Khoản 1, Điều 43 của Bộ luật Lao động 2012 và Khoản 1.a, Điều 49 của Luật Việc làm 2013, người lao động có hành vi nghỉ ngang sẽ không được hưởng Trợ cấp thôi việc, Trợ cấp thất nghiệp.

2. Người lao động nghỉ ngang thì phải bồi thường tiền cho doanh nghiệp

Cũng theo quy định tại Điều 43 của Bộ luật Lao động 2012, người lao động nghỉ ngang phải bồi thường cho doanh nghiệp nửa tháng tiền lương theo hợp đồng lao động đã giao kết. Đồng thời, người lao động đó còn phải trả cho doanh nghiệp các khoản sau đây:

- Bồi thường khoản tiền tương ứng với tiền lương của người lao động trong những ngày không báo trước nếu vi phạm về thời hạn thông báo trước khi nghỉ việc.
- Hoàn trả lại chi phí đào tạo nếu trong quá trình làm việc đã thụ lãnh chương trình đào tạo từ doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp cần nhanh chóng báo giảm lao động tham gia các loại bảo hiểm

Khi đã xác minh được việc người lao động nghỉ ngang, doanh nghiệp cần nhanh chóng tiến hành thủ tục báo giảm lao động tham gia các loại bảo hiểm bắt buộc để bảo đảm quyền lợi của các bên.

Theo quy định hiện hành, người lao động không làm việc và không hưởng lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì không tính đóng Bảo hiểm Xã hội. Doanh nghiệp cần chú ý theo nguyên tắc này để xác định trách nhiệm đóng bảo hiểm trong tháng mà người lao động nghỉ ngang.

4. Doanh nghiệp phải chốt sổ và trả lại Sổ Bảo hiểm Xã hội cho người lao động

Căn cứ theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Lao động 2012, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại sổ bảo hiểm xã hội và những giấy tờ khác mà doanh nghiệp đã giữ lại của người lao động khi hợp đồng lao động chấm dứt.

Do đó, dù người lao động có hành vi nghỉ ngang, doanh nghiệp vẫn nên chấp hành nghiêm chỉnh quy định này để hạn chế rủi ro pháp lý không đáng có.

5. Doanh nghiệp phải thanh toán đủ tiền lương và cấp chứng từ khấu trừ thuế đầy đủ

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Lao động 2012, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, doanh nghiệp phải thanh toán đầy đủ tiền lương cho người lao động; trường hợp đặc biệt, có thể kéo dài nhưng không được quá 30 ngày.

Ngoài ra, doanh nghiệp có trách nhiệm cấp chứng từ khấu trừ thuế khi người lao động yêu cầu doanh nghiệp cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân để tự đi quyết toán thuế.

Liên hệ

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin mời liên hệ:

Phụ trách Bản tin:

Ông Lê Thành Công

Tổng Giám đốc
Phụ trách chung

Tel: + 0243 2000 162
Mobile: 0913 535 125
Email: lecong@atcf.vn

Ông Phan Thanh Quân

Phó Tổng Giám đốc
Kiểm duyệt nội dung

Tel: + 0243 2000 162
Mobile: 0983 61 21 81
Email: quanpt@atcf.vn

Ông Tạ Quốc Huy

Trưởng phòng kiểm toán
Phụ trách biên tập

Tel: + 0243 2000 162
Mobile: 0989 204 959
Email: quochuy@atcf.vn

Trụ sở chính:

Tòa nhà ATC, Lô D12, Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam
Tel: + 0243 2000 162
Fax: + 0243 2000 163
Website: atcf.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Văn phòng đại diện tại: Điện Biên, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Vinh, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Dương

(Thông tin liên hệ trực tiếp với các văn phòng tại website: atcf.vn)

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin khái quát, đây là một trong những hoạt động hỗ trợ khách hàng thường xuyên của ATC. Tuy nhiên, trước khi đưa ra một quyết định hoặc thực hiện một hành động có thể ảnh hưởng đến vấn đề tài chính và hoạt động kinh doanh, người sử dụng tài liệu cần tham vấn chuyên gia của chúng tôi hoặc các chuyên gia (công ty) tư vấn có chuyên môn. Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại do kết quả của việc người đọc dựa vào tài liệu này.

© 2019 ATC Auditing and Valuation Firm Company Limited